

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHẾ TẠO H2Q

-----\*\*\*-----

# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CHẾ TẠO THIẾT BỊ H2Q

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ ✓  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHẾ TẠO H2Q



GIÁM ĐỐC  
*Bùi Hoàng Hiệp*

Nam Định, năm 2023

## MỤC LỤC

### **DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

### **DANH MỤC BẢNG**

### **DANH MỤC HÌNH VÀ SƠ ĐỒ**

<b>CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> .....	<b>1</b>
1. Thông tin chủ Dự án đầu tư .....	1
2. Thông tin về Dự án đầu tư .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Dự án đầu tư.....	1
3.1. Quy mô, công suất của Dự án.....	1
3.2. Công nghệ sản xuất của Dự án đầu tư .....	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất và nguồn cung cấp điện, nước .....	5
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu, hoá chất.....	5
4.2. Công nghệ sản xuất của Dự án đầu tư .....	5
5. Các nội dung khác của Dự án.....	6
5.1. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện Dự án.....	6
5.2. Các hạng mục công trình của Dự án.....	6
5.3. Tổng mức đầu tư của Dự án: .....	8
5.4. Tiến độ thực hiện dự án:.....	8
<b>CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>9</b>
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch Tỉnh, phân vùng môi trường .....	9
2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	10
<b>CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> .....	<b>12</b>
<b>CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> .....	<b>13</b>
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án đầu tư.....	13
1.1. Các công trình, biện pháp xử lý nước thải .....	13
1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại .....	14
1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	15
1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	15
1.5. Biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	15

---

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**DỰ ÁN: “XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CHẾ TẠO THIẾT BỊ H2Q TẠI CCN YÊN DƯƠNG, HUYỆN Ý YÊN”**

---

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động.....	16
2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	16
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	18
2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn.....	21
2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	23
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi Dự án đi vào hoạt động.....	23
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	24
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	25
4.1. Nhận xét về mức độ chi tiết của các đánh giá, dự báo.....	25
4.2. Nhận xét về độ tin cậy của các đánh giá.....	26
<b>CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>27</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	27
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải.....	27
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	28
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	28
3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	28
<b>CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....</b>	<b>29</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	29
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	29
1.2. Kết quả quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	29
2. Chương trình quan trắc chất thải.....	29
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	29
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục.....	30
<b>CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>311</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

---

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

### **B**

BOD	Biochemical Oxygen Demand - Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BXD	Bộ Xây dựng

---

### **C**

CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Chemical Oxygen Demand - Nhu cầu oxy hóa học
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại

---

### **D**

DA	Dự án
DADT	Dự án đầu tư
DO	Dissolved Oxygen - Oxy hòa tan

---

### **N**

NĐ	Nghị định
----	-----------

---

### **P**

PCCC	Phòng cháy chữa cháy
------	----------------------

---

### **Q**

QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định

---

### **S**

SMEWW	Các phương pháp chuẩn xét nghiệm nước và nước thải ( <i>Standard Method for the Examination of Water and Waste Water</i> )
-------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

---

### **T**

TDS	Total Dissolved Solids - Tổng chất rắn hòa tan
TSS	Total Suspended Solids - Tổng chất rắn lơ lửng
TT	Thông tư

---

### **U**

UBND	Ủy ban nhân dân
------	-----------------

---

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bảng danh mục sử dụng đất của Dự án .....	1
Bảng 1.2. Bảng danh mục sử dụng đất của Dự án .....	2
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu, hoá chất .....	5
Bảng 4.1. Khối lượng chất thải rắn, chất thải công nghiệp thông thường phát sinh ....	21
Bảng 4.2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh .....	22
Bảng 4.3. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kinh phí thực hiện.....	24
Bảng 5.1. Giới hạn các thông số trong khí thải.....	27
Bảng 5.2. Giới hạn thông số tiếng ồn và độ rung.....	28

---

## DANH MỤC HÌNH VÀ SƠ ĐỒ

Hình 1.1. Quy trình hoạch tổng mặt bằng .....	2
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm kết cấu thép giàn không gian.....	3
Hình 1.3. Trích lục sơ đồ thửa đất .....	6
Hình 4.1. Hình ảnh minh họa nhà vệ sinh di động đơn .....	13
Hình 4.2. Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại .....	16
Hình 4.3. Mặt bằng thu gom nước thải .....	17
Hình 4.4. Sơ đồ thu gom nước thải của dự án .....	18
Hình 4.5. Mặt bằng thu gom nước mưa chảy tràn .....	18
Hình 4.6. Quy trình xử lý khí thải phòng sơn.....	19
Hình 4.7. Cấu tạo của tháp khí thải .....	20

---

## CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Thông tin chủ Dự án đầu tư

- Tên chủ Dự án đầu tư: **Công ty cổ phần thép chế tạo H2Q**
- Địa chỉ: Lô CN3-5, cụm công nghiệp Yên Dương, xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Hoàng Hiệp**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0601239096, đăng ký lần đầu ngày 16/09/2022 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.
- Mã số thuế: 0702001274.

### 2. Thông tin về Dự án đầu tư

- Tên Dự án đầu tư: Xây dựng nhà xưởng sản xuất chế tạo thiết bị H2Q.
- Địa điểm thực hiện Dự án đầu tư: Lô CN3-5, cụm công nghiệp Yên Dương, xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.
- Quy mô của Dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng vốn đầu tư **14.810.390.000** đồng. Dự án thuộc nhóm C theo khoản 3 điều 10 Luật đầu tư công năm 2019.

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Dự án đầu tư

#### 3.1. Quy mô, công suất của Dự án

##### 3.1.1. Quy mô dự án

Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch của Dự án: 5.690m<sup>2</sup>. Danh mục sử dụng đất chi tiết được trình bày tại bảng sau:

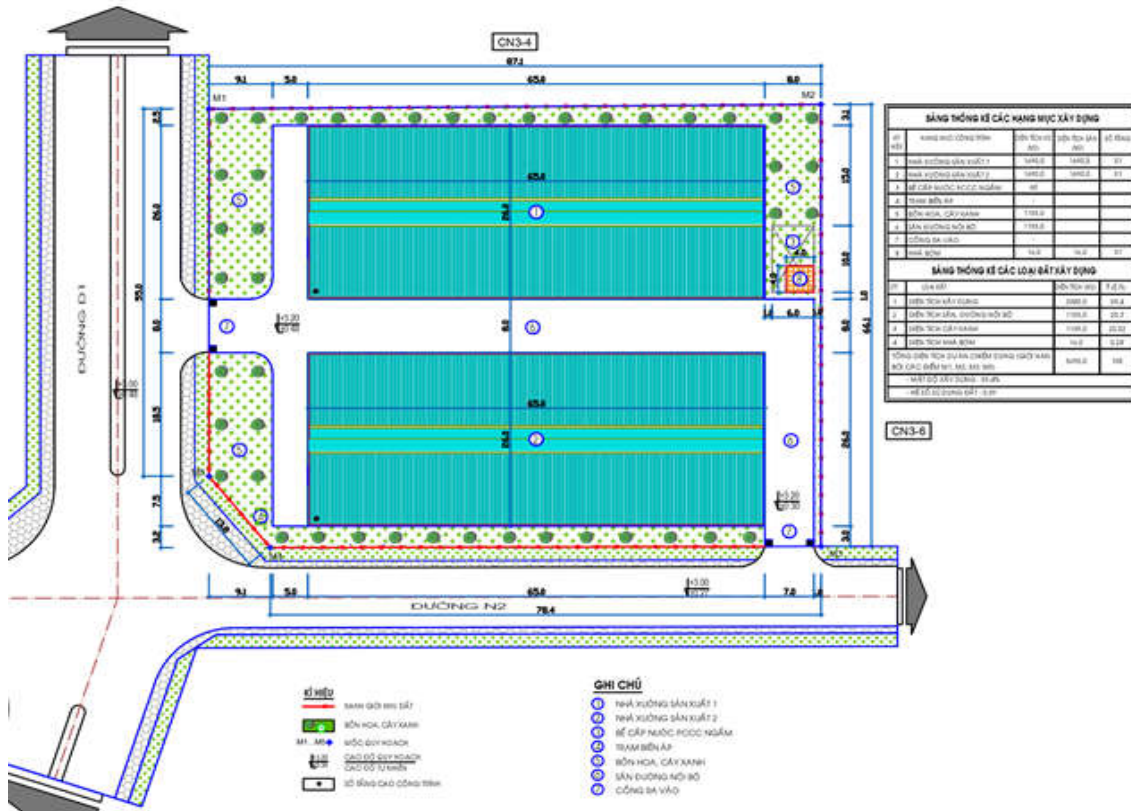
**Bảng 1.1. Bảng danh mục sử dụng đất của Dự án**

STT	Danh mục sử dụng đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tầng cao (tầng)
1	Nhà xưởng sản xuất 1	1.690,0	01
2	Nhà xưởng sản xuất 2	1.690,0	01
3	Bể cấp nước PCCC ngầm	60,0	Bể ngầm
4	Trạm biến áp	-	
5	Bồn hoa, cây xanh	1.155,0	
6	Sân đường nội bộ	1.155,0	
6	Cổng ra rào	-	
7	Nhà bom	16,0	01

**Bảng 1.2. Bảng danh mục sử dụng đất của Dự án**

STT	Diện tích, mật độ	Chỉ tiêu xây dựng	Ghi chú
1	Tổng diện tích khu đất	5.690,0 m <sup>2</sup>	
2	Diện tích xây dựng	3.380,0 m <sup>2</sup>	
3	Diện tích sân, đường nội bộ	1.155,0 m <sup>2</sup>	
4	Diện tích cây xanh	1.155,0 m <sup>2</sup>	
5	Mật độ xây dựng	59,4%	
6	Mật độ cây xanh	20,3%	
7	Hệ số sử dụng đất	0,59 lần	

**TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CHẾ TẠO THIẾT BỊ H2Q**  
 ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN3-5, CỤM CÔNG NGHIỆP YÊN DƯƠNG, HUYỆN Ý YÊN  
 CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP CHẾ TẠO H2Q  
 (TỶ LỆ: 1/500)



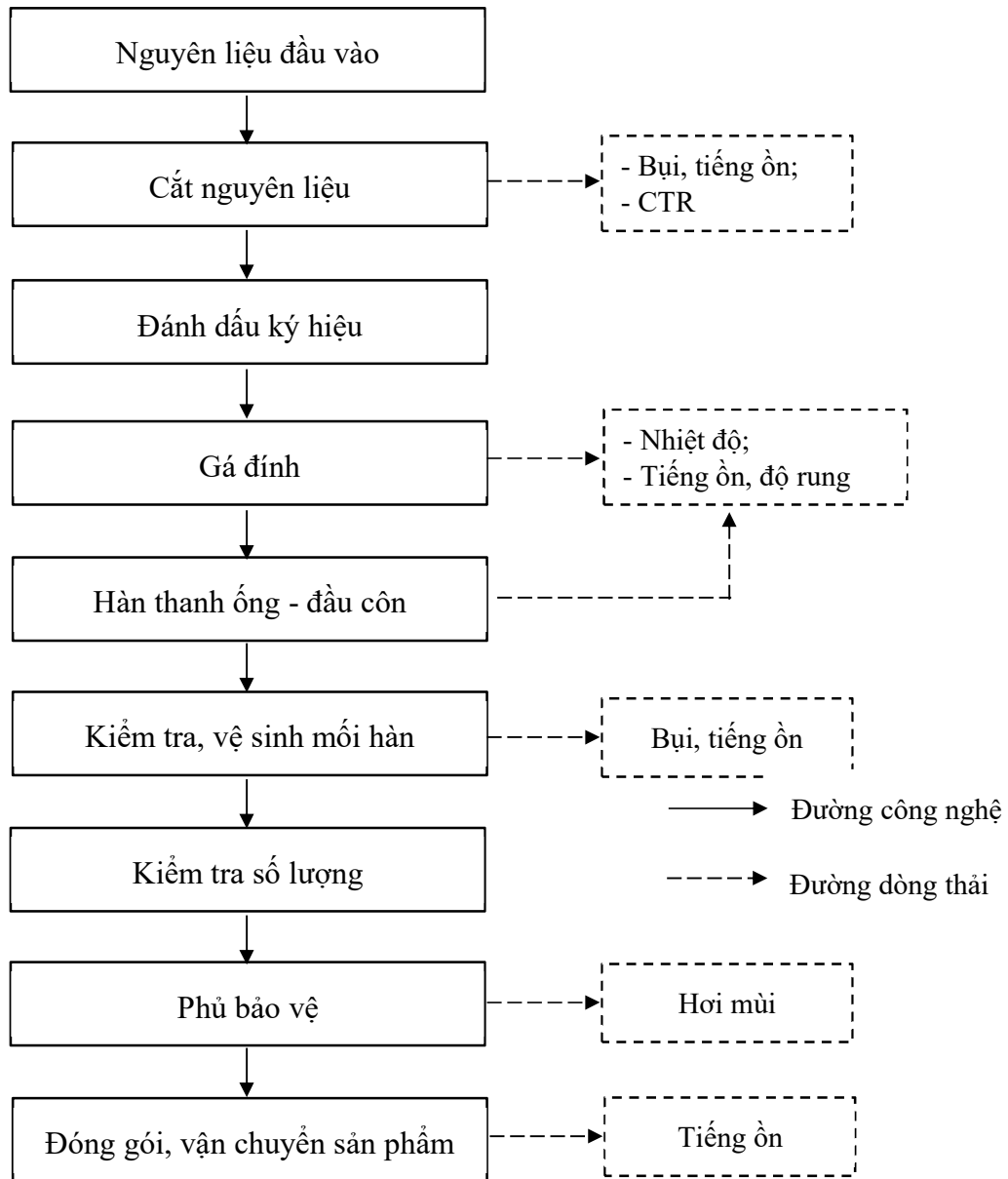
**Hình 1.1. Quy hoạch tổng mặt bằng Dự án**

**3.1.2. Công suất dự án:**

Sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ khoảng 850 tấn sản phẩm/năm.



### 3.2. Công nghệ sản xuất của Dự án đầu tư



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm kết cấu thép giàn không gian

#### ❖ Thuyết minh chi tiết quy trình sản xuất

##### 1. Nguyên liệu đầu vào

Trên cơ sở bản vẽ thiết kế thi công của khách hàng, nhân viên kỹ thuật công ty tính toán lượng vật tư, nguyên liệu đầu vào hợp lý.

##### 2. Cắt nguyên liệu

Tổ sản xuất của Công ty tiến hành cắt từng loại nguyên liệu theo kích thước trong bản vẽ thiết kế của khách hàng.

### *3. Gá đính*

Sau khi nguyên liệu được cắt phù hợp với bản vẽ, các thanh nguyên liệu sẽ được gá đính lại với nhau. Khi gá đính phải đảm bảo điểm gá đính phải chính xác, cân xứng và chắc chắn.

### *4. Hàn thanh ống - đầu côn*

Các thanh nguyên liệu sau khi được gá đính sẽ được chuyển qua bộ phận hàn. Tại đây các công nhân kỹ thuật sẽ căn chỉnh vị trí kim hàn và mức độ ra khí CO<sub>2</sub> phù hợp và bắt đầu hàn sản phẩm. Các công nhân hàn sẽ hàn đều tay 1 vòng hoặc 2-3 vòng tùy theo đường kính ống đến khi đủ độ dày mỗi hàn theo yêu cầu kỹ thuật thi công thì thôi.

Sau khi sản phẩm được hàn xong sẽ được chuyển qua bộ phận kiểm tra chất lượng mỗi hàn và vệ sinh đường hàn.

### *5. Kiểm tra mỗi hàn và vệ sinh đường hàn*

Sản phẩm sau khi hàn xong sẽ được chuyển qua bộ phận kiểm tra mỗi hàn và vệ sinh đường hàn.

Trong quá trình kiểm tra nếu bộ phận kiểm tra phát hiện mỗi hàn chưa đạt yêu cầu như chưa đủ độ kín vòng, rỉ khí, vị trí đường hàn lệch,... thì sẽ chuyển lại cho bộ phận hàn để hàn lại.

Những mỗi hàn đã đạt yêu cầu thì sẽ được vệ sinh sạch đường hàn, si thuốc hàn và mụn hàn.

Với những sản phẩm khách chỉ cần đến công đoạn vệ sinh đường hàn thì sẽ được đem đi kiểm đếm, đóng gói và vận chuyển đến cho khách hàng còn với những sản phẩm yêu cầu phủ bảo vệ thì tiếp tục thực hiện công đoạn tiếp theo.

### *6. Kiểm tra số lượng sản phẩm*

Các sản phẩm sau khi được vệ sinh đường hàn sẽ được kiểm đếm từng loại và đối chiếu với yêu cầu sản xuất của bản vẽ chế tạo.

### *7. Phủ bảo vệ*

Để các sản phẩm có giá trị thẩm mỹ và độ bền cao thì Công ty sẽ tiến hành phủ sơn bảo vệ sản phẩm. Trước khi tiến hành phủ sơn các công nhân sẽ kiểm tra kỹ việc làm sạch về mặt sản phẩm, kiểm tra thông số kỹ thuật của vật liệu sơn phủ, thí nghiệm đo độ dày lớp phủ.

### *8. Đóng gói, vận chuyển sản phẩm*

Sau khi lớp phủ bảo vệ sản phẩm khô, sản phẩm sẽ được bọc bằng màng nilong để bảo vệ. Sau đó được đóng gói theo bó, bao và vận chuyển theo xe phù hợp.

#### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất và nguồn cung cấp điện, nước

##### 4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu, hoá chất

*Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu, hoá chất*

STT	Nguyên liệu, hoá chất	ĐVT	Lượng sử dụng/năm
<b>I</b>	<b>Nguyên liệu, hoá chất trong sản xuất</b>		
1	Phôi thép	tấn	900
2	Que hàn	tấn	2,5
3	Nguyên, phụ liệu khác (chất phụ gia, sơn, dung môi,...)	tấn	20
<b>II</b>	<b>Nguyên liệu hoá chất trong xử lý xử lý nước thải, khí thải</b>		
1	Clo khử trùng	kg	1
2	Chế phẩm vi sinh	kg	8
3	Than hoạt tính	kg	10

##### 4.2. Nhu cầu sử dụng điện nước và nguồn cung cấp

###### 4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn điện cung cấp cho hoạt động sản xuất và hoạt động sinh hoạt của CBCNV tại Công ty được cấp bởi Công ty điện lực huyện Ý Yên.

- Tổng nhu cầu sử dụng với công suất tối đa ước tính khoảng: 250 kVA.

###### 4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước

- Công ty sẽ sử dụng nguồn nước sạch được cấp từ nhà máy nước thị trấn Lâm thông qua hệ thống đường ống vào cụm công nghiệp.

- Nhu cầu sử dụng nước cho Dự án cụ thể như sau:

+ Lượng nước dùng trong sinh hoạt: Căn cứ theo TCXDVN 33:2006/BXD - Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình - tiêu chuẩn thiết kế, lượng nước cấp cho 01 công nhân làm ca là 60 lít/người/ngày. Với tổng số cán bộ, công nhân viên khi dự án đi vào hoạt động ổn định là 15 người thì lưu lượng nước sinh hoạt tối đa trong 01 ngày sẽ là:

$$15 \text{ người} \times 60 \text{ lít/người/ngày} = 900 \text{ lít/ngày} = 0,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Nước tưới cây xanh: Căn cứ theo TCXDVN 33:2006/BXD - Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình - tiêu chuẩn thiết kế, lượng nước phục vụ cho việc tưới cây xanh là 4 lít/lần/m<sup>2</sup>. Với diện tích cây xanh của Dự án là 1.155m<sup>2</sup>, 01 ngày công nhân tưới cây xanh 01 lần, tổng lượng nước sử dụng là:

$$1.155 \text{ m}^2 \times 4 \text{ lít/lần/m}^2 = 4.620 \text{ lít} = 4,62 \text{ m}^3/\text{ngày.}$$

=> Như vậy, tổng lượng nước sử dụng khi Dự án đi vào hoạt động ổn định là:

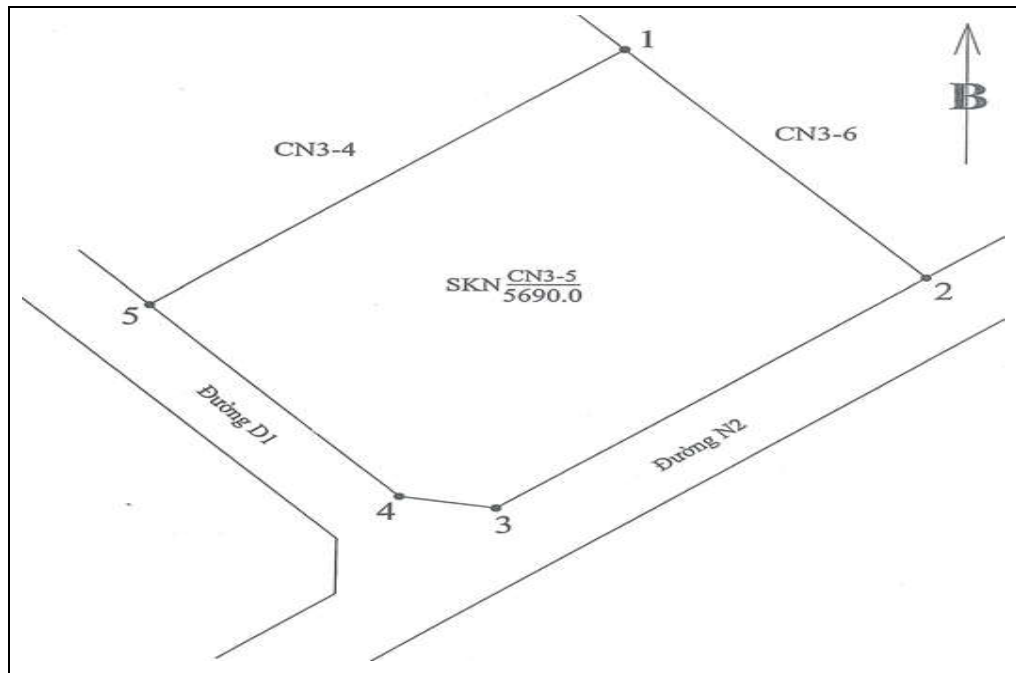
$$0,9 + 4,62 = 5,52 \text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$$

## 5. Các nội dung khác của Dự án

### 5.1. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện Dự án

Dự án được triển khai xây dựng tại Lô CN3-5, cụm công nghiệp Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, có diện tích 5.690 m<sup>2</sup>, với vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Bắc: : Giáp Lô CN3-6
- + Phía Đông Nam: : Giáp đường N2
- + Phía Tây Bắc: : Giáp Lô CN3-4
- + Phía Tây Nam: : Giáp đường D1



**Hình 1.3. Trích lục sơ đồ thửa đất**

### 5.2. Các hạng mục công trình của Dự án

1. Nhà xưởng sản xuất 1+2: 01 tầng, diện tích xây dựng 1.690m<sup>2</sup>.

- Móng, nền:

- + Kết cấu móng đơn dưới hàng cột;
- + Đáy móng được gia cố bằng cọc BTCT 25x25;
- + Đài và giằng móng bằng BTCT mác 300#, lót móng bằng bê tông mác 100#;
- + Nền nhà đổ bê tông mác 200 láng vữa xi măng.

- Thân, tường:

+ Phần thân sử dụng kết cấu khung thép tiền chế chịu lực, cột và vì kèo tiết diện chữ I tổ hợp từ thép tấm liên kết hàn;

+ Tường bao che xây gạch vữa XM mác 75 có trụ và giằng tường bằng BTCT, phía trên tường được thưng tôn sóng mạ màu;

+ Trát tường trong vữa XM mác 75 sau đó lăn sơn trực tiếp.

- Xà gồ mái và xà gồ thưng bằng xà gồ C; mái dốc lợp tôn xộp chống nóng.

- Cửa đi sử dụng cửa khung thép bịt tôn;

- Cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm kính.

- Hệ thống kỹ thuật công trình được thiết kế đồng bộ.

2. *Bể chứa nước PCCC*: Bể chứa nước ngầm bằng bê tông cốt thép.

Bể nước PCCC có kích thước 10,0m x 6,0m gồm 2 ngăn thông với nhau, bể ngầm bằng bê tông cốt thép B20(mác 250#), đáy bể sâu 2.0m so với cos sân đường.

3. *Bồn hoa, cây xanh*: Diện tích khu vực bồn hoa, cây xanh là 1.155m<sup>2</sup> tạo cảnh quan và cải thiện điều kiện vi khí hậu, môi trường trong khu vực Dự án.

4. *Kết cấu sân đường*: Diện tích sân đường của Dự án là 1.155m<sup>2</sup>. Kết cấu Bê tông đá 1x2 mác 250 dày 15cm, lót nilon chống mất nước, nền đầm chặt.

5. *Cổng ra vào*:

Tường bao xây gạch 110, bộ trụ 220x220 khoảng cách trụ 3m, 30m bố trí 1 khe lún.

Mặt tiếp giáp với đường giao thông bố trí dèng hàng rào sắt thoáng tạo cảnh quan, bộ trụ 220x220, khoảng cách trụ 3m, chân tường rào xây gạch 60cm, chiều cao tổng thể 2,2m.

6. *Nhà vệ sinh 1+2*:

- Công trình xây dựng 02 nhà vệ sinh tại 02 xưởng, cao 01 tầng, kích thước mặt bằng nhà 2,0m x 3,0m x 3,40m.

- Kết cấu chịu lực chính của công trình tường xây gạch chịu lực, sàn mái bằng BTCT dày 100.

- Tường bao che xây gạch bê tông vữa XM mác 75, tường trát vữa XM mác 75 dày 15mm sơn bằng 1 nước sơn lót 2 nước sơn màu, nền nhà lát gạch chống trơn 300x300mm, ốp gạch men 300x450mm. Cửa đi làm bằng khung nhôm hệ kính an toàn dày 6,38mm.

### **5.3. Tổng mức đầu tư của Dự án**

Tổng vốn đầu tư: **14.810.390.000** đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ, tám trăm mười triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng*)

Trong đó:

- Chi phí đầu tư xây dựng công trình: 14.610.390.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 200.000.000 đồng.

### **5.4. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Quý I/2023: Lập thủ tục thuê đất xong;
- Quý II/2023: Chuẩn bị đầu tư;
- Quý III/2023: Triển khai đầu tư xây dựng công trình;
- Quý IV/2025: Đưa dự án vào hoạt động.

---

## CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

### 1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch Tỉnh, phân vùng môi trường

#### *a. Sự phù hợp với quy hoạch của tỉnh*

- Loại hình hoạt động của dự án phù hợp với Quyết định số 2341/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trong đó định hướng phát triển ngành công nghiệp là: Tập trung đầu tư hình thành một số ngành, sản phẩm chủ lực của địa phương có khả năng cạnh tranh trên thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao như đóng tàu, trung tâm điện lực, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất dược liệu, cơ khí chế tạo, ô tô, xe máy, điện tử - tin học,...

- Loại hình hoạt động của dự án phù hợp với định hướng phát triển theo Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp huyện có lợi thế: cơ khí, chế biến gỗ và mộc dân dụng, dệt may.

#### *b. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của CCN Yên Dương*

- Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, ngành nghề quy hoạch của CCN Yên Dương là chế biến gỗ, cơ khí, thủ công mỹ nghệ,... do vậy loại hình hoạt động của dự án phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư tại CCN Yên Dương.

- Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 07/06/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập CCN Yên Dương và Quyết định số 7259/QĐ-UBND ngày 27/9/2018; Quyết định 1984/QĐ-UBND ngày 24/4/2020; Quyết định số 8545/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; Quyết định số 5811/QĐ-UBND ngày 22/7/2022; Quyết định số 9809/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Ý Yên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 CCN Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, ngành nghề thu hút đầu tư tại CCN Yên Dương là công nghiệp cơ khí, tái chế, điện, điện tử, dệt may, da giày, thực phẩm, công nghiệp phụ trợ và công nghiệp khác. Lô đất CN3-5 của Công ty cổ phần thép chế tạo H2Q, có diện tích 5.690m<sup>2</sup> nằm trong 374.610m<sup>2</sup> đất xây dựng nhà máy, kho tàng

của CCN Yên Dương. Do vậy dự án phù hợp với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của CCN.

Dự án “*Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Yên Dương*” đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1719/QĐ-BTNMT ngày 09/7/2019; Văn bản số 1887/BTNMT-TCMT ngày 23/4/2021 về việc thay đổi nội dung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; Giấy phép môi trường số 353/GPMT-BTNMT ngày 16/12/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường cấp phép cho Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Đại Phong được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “*Xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Yên Dương - giai đoạn 1*”. Hiện nay, CCN đã đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng bao gồm các hạng mục công trình như: Đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, khu xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom và thoát nước thải, nước mưa, hệ thống cây xanh,... Với các điều kiện nêu trên của CCN sẽ là điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện dự án.

## **2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

CCN Yên Dương thuộc địa bàn xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định với diện tích khoảng 49,35ha. CCN Yên Dương đã được Bộ Tài nguyên và môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án “*Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Yên Dương*” tại Quyết định số 1719/QĐ-BTNMT ngày 09/7/2019 và Quyết định số 1887/BTNMT-TCMT ngày 23/4/2021 về việc thay đổi nội dung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Giấy phép môi trường số 353/GPMT-BTNMT ngày 16/12/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường cấp phép cho Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Đại Phong được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “*Xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Yên Dương - giai đoạn 1*”.

Đối với dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất chế tạo thiết bị H2Q được thực hiện tại Lô CN3-5, cụm công nghiệp Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định phù hợp với phân khu chức năng ngành nghề của CCN đã được phê duyệt. Trong quá trình đi vào hoạt động dự án có phát sinh nước thải, khí thải, chất thải rắn và được Công ty thu gom xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường, cụ thể như sau:

- Đối với nước thải sinh hoạt của Dự án được thu gom và xử lý qua bể tự hoại rồi chảy vào hệ thống xử lý nước thải của CCN Yên Dương.

Cam kết ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty CP xây dựng hạ tầng Đại Phong. Công ty CP xây dựng hạ tầng Đại Phong tiếp nhận và xử lý nước



thải của Công ty đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

- Đối với chất thải rắn bao gồm rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại được thu gom phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Như vậy với các biện pháp giảm thiểu của Công ty, khi dự án đi vào hoạt động đảm bảo sẽ không gây ô nhiễm môi trường và phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

### CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất chế tạo thiết bị H2Q được triển khai thực hiện tại Lô CN3-5 CCN Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

CCN Yên Dương đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1719/QĐ-BTNMT ngày 09/7/2019 cho dự án: “*Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Yên Dương*” thực hiện tại xã Yên Dương, huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Theo quy định tại điểm c, khoản 4, điều 28 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì nội dung hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án không phải mô tả đánh giá.

## CHƯƠNG IV:

### ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

#### 1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án đầu tư

##### 1.1. Các công trình, biện pháp xử lý nước thải

###### 1.1.1. Nước thải sinh hoạt

- Thuê nhà dân có cơ sở vật chất tốt gần khu vực Dự án làm nhà ở cho công nhân xây dựng.
- Ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương để hạn chế số người lưu trú tại khu nhà ở công nhân.
- Lắp đặt 02 nhà vệ sinh lưu động dung tích ngăn chứa 2,0m<sup>3</sup> để thu gom nước thải xí tiêu của công nhân tại công trường.
- Thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển khi bồn chứa đầy đảm bảo khả năng thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh, không xả nước thải ra môi trường.



Hình 4.1. Hình ảnh minh họa nhà vệ sinh di động đơn

###### 1.1.2. Nước thải xây dựng

- Sử dụng tối đa lượng bê tông thương phẩm.
- Sử dụng cát, đá sạch để không phát sinh nước thải từ hoạt động rửa vật liệu.
- Sử dụng nước vừa đủ trong quá trình bảo dưỡng bê tông.

- Sử dụng 01 thùng dung tích 100l để thu gom và lắng đọng chất rắn lơ lửng từ nước vệ sinh dụng cụ thi công. Nước sau khi lắng đọng chất rắn lơ lửng được sử dụng phối trộn nguyên vật liệu xây dựng để tiết kiệm chi phí.

### *1.1.3. Nước mưa chảy tràn*

- Che đậy kín nguyên vật liệu trong những ngày mưa và không tập kết cạnh hệ thống thoát nước.

- Đào rãnh thu gom nước mưa có kích thước BxH = 0,5x0,5m, trên tuyến rãnh cách 30-35m đào 1 hố ga kích thước LxBxH = 1x1x1m để thu gom và lắng đọng chất rắn lơ lửng.

- Đào 01 hố lắng kích thước 3x1,5x1,5m phía Đông Dự án để thu gom và lắng đọng chất rắn lơ lửng trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mặt hiện trạng.

- Đơn vị thi công thường xuyên kiểm tra vệ sinh, nạo vét bùn cặn tại rãnh gom, thoát nước, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước mưa, nước thải.

- Không tập trung các loại nguyên liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa việc rơi vào hệ thống thoát nước.

## ***1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại***

### *1.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt*

- Đặt 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy dung tích 100 lít tại khu nhà điều hành và công trường thi công.

- Hợp đồng với đội vệ sinh môi trường Khu vực thu gom, vận chuyển hằng ngày.

### *1.2.2. Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp*

- Tổ chức biện pháp thi công hợp lý để hạn chế rơi vãi vật liệu xây dựng.

- Thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn xây dựng như sau:

+ Đất đào móng, cát đá bần chân đông... được thu gom để sử dụng làm vật liệu san nền trong phạm vi Dự án.

+ Sắt, thép vụn, vỏ bao xi măng... bán cho đơn vị thu mua phế liệu

+ Các chất thải rắn không thể tái sử dụng sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đến bãi đổ thải... theo quy định.

### *1.2.3. Chất thải nguy hại*

- Bố trí 02 thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy dung tích 50 lít tại khu vực có mái che trong khuôn viên Dự án, cách xa chỗ sinh hoạt của công nhân xây dựng.

- Yêu cầu đơn vị thi công hạn chế việc sửa chữa xe, máy móc trong khu vực dự án để hạn chế cao nhất lượng dầu thải, giẻ lau dính dầu phát sinh trên công trường.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

### ***1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải***

- Dựng hàng rào bằng tôn cao 3m tại khu vực thi công để hạn chế phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh.
- Sử dụng lưới kép quay 4 mặt công trình và lưới đỡ vật liệu khi thi công các tầng cao để vật liệu xây dựng không bị rơi, đồng thời hạn chế tác động của gió làm phát tán bụi gây ảnh hưởng tới khu vực lân cận.
- Sử dụng bạt che phủ nguyên vật liệu tập kết tại Dự án.
- Sử dụng phương tiện, thiết bị được đăng kiểm. Kiểm tra, bảo dưỡng để các thiết bị luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất.
- Che phủ bạt kín thùng xe và chở đúng trọng tải quy định đối với các phương tiện vận chuyển.
- Bố trí công nhân quét dọn nguyên vật liệu rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu.

### ***1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung***

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công có chất lượng tốt. Bảo dưỡng thiết bị và phương tiện vận chuyển thường xuyên để hạn chế tối đa tiếng ồn phát sinh.
- Sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh các thiết bị gây ồn cùng làm việc sẽ gây nên tác động cộng hưởng.
- Không thi công từ 21h đến 6h sáng hôm sau.

### ***1.5. Biện pháp bảo vệ môi trường khác***

- Ưu tiên thuê đơn vị thi công là người địa phương để hạn chế việc mâu thuẫn phát sinh giữa công nhân với nhau và công nhân với người dân địa phương;
- Trang bị đầy đủ các phương tiện PCCC, lắp đặt các biển báo đề phòng cháy nổ tại khu vực nhà điều hành và công trường thi công. Thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ;
- Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng trong giờ cao điểm để hạn chế xảy ra tai nạn giao thông;
- Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn của các thiết bị và hệ thống dây dẫn điện trước khi đưa vào sử dụng để hạn chế xảy ra tai nạn lao động;

- Trang bị bảo hộ lao động như quần, áo, mũ, thiết bị phòng hộ đúng quy cách và phù hợp với vị trí làm việc. Trang bị các dụng cụ y tế để sơ cứu kịp thời khi công nhân bị tai nạn lao động, sau đó chuyển ngay đến cơ sở y tế gần nhất;

- Có hệ thống cọc tiêu, đèn báo nguy hiểm tại các khu vực đang thi công và có lực lượng bảo vệ công trường nhằm hạn chế các tai nạn đáng tiếc xảy ra đối với người dân, đặc biệt là trẻ nhỏ.

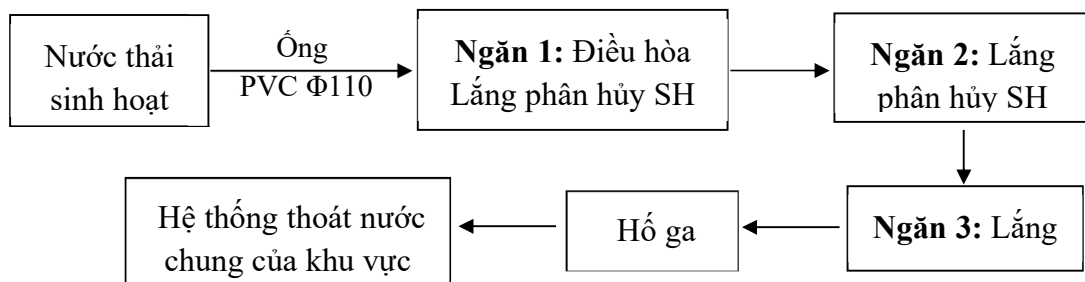
## 2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động

### 2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

#### 2.1.1. Nước thải sinh hoạt

##### a/ Nước thải xí tiêu

- Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải xí tiêu phát sinh.
- Bổ sung chế phẩm sinh học 06 tháng/lần và hút bể tự hoại 01 lần/năm để tăng hiệu quả xử lý.



**Hình 4.2. Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại**

#### ❖ Quy trình hoạt động của bể tự hoại:

Nước thải xí tiêu phát sinh được thu gom theo đường ống PVC Φ110 về bể tự hoại 03 ngăn.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại là dựa trên hoạt động của các vi sinh vật phân hủy yếm khí. Nước thải thu về ngăn số 1 rồi chảy tràn sang ngăn số 2. Tại ngăn số 2, 70 - 85% chất hữu cơ được phân hủy, bùn lắng xuống đáy ngăn.

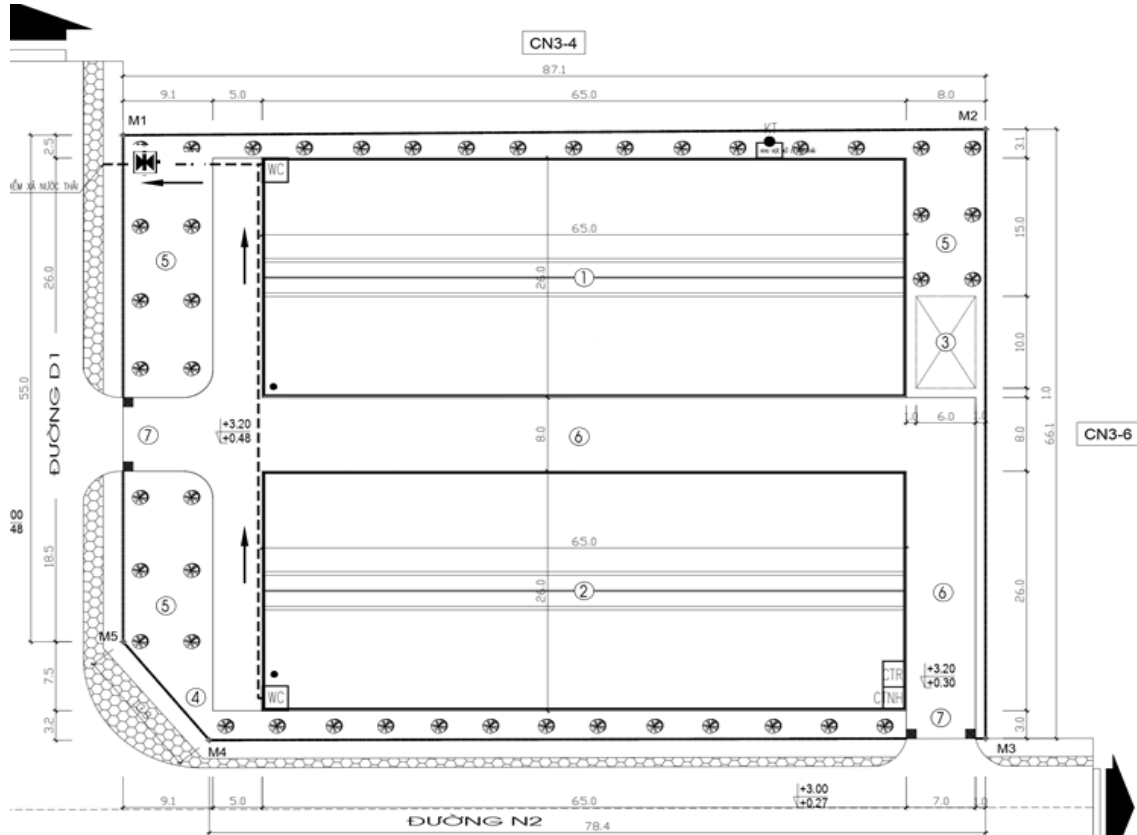
Nước thải sau phân hủy ở ngăn số 2 tiếp tục được tràn sang ngăn số 3. Tại bể số 3, các chất cặn bã tiếp tục được giữ lại dưới đáy bể này, phần nước trong bên trên sẽ chảy theo đường ống uPCV Φ150 về bể xử lý nước thải tập trung để xử lý tiếp.

Bể tự hoại sẽ được định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học và hút định kỳ để tăng hiệu quả xử lý.

##### b/ Nước thoát sàn

Toàn bộ nước thoát sàn tại nhà tắm, nhà vệ sinh được chảy qua song chắn rác trước khi chảy về hệ thống thoát xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

Với lượng nước thải trong giai đoạn Dự án vận hành ổn định ước tính  $0,9\text{m}^3$  nên Công ty sẽ thống nhất với Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Đại Phong tiếp nhận nước thải sinh hoạt của Dự án sau khi đã xử lý qua hệ thống bể phốt. Nước thải sau khi được xử lý sẽ được chảy vào hệ thống thoát nước thải chung của cụm công nghiệp Yên Dương tại 01 điểm xả trên đường D1.



**Hình 4.3. Mặt bằng thu gom nước thải**

### 2.1.2. Nước mưa chảy tràn

- Vệ sinh sân đường hàng ngày.
- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải sinh hoạt.

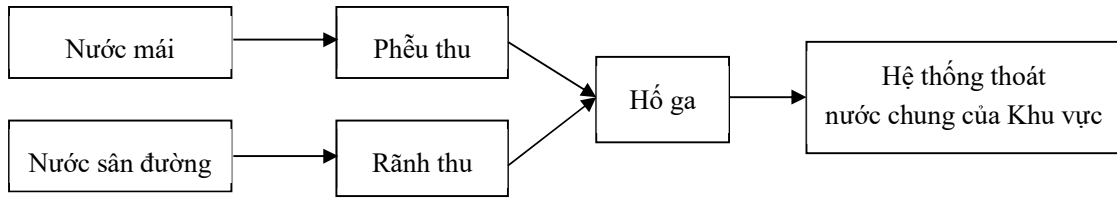
Thu gom nước mưa chảy tràn theo sơ đồ sau:

+ Nước mưa trên mái được thu vào hệ thống ống nhựa PVC  $\Phi 110$  dẫn xuống hố ga.

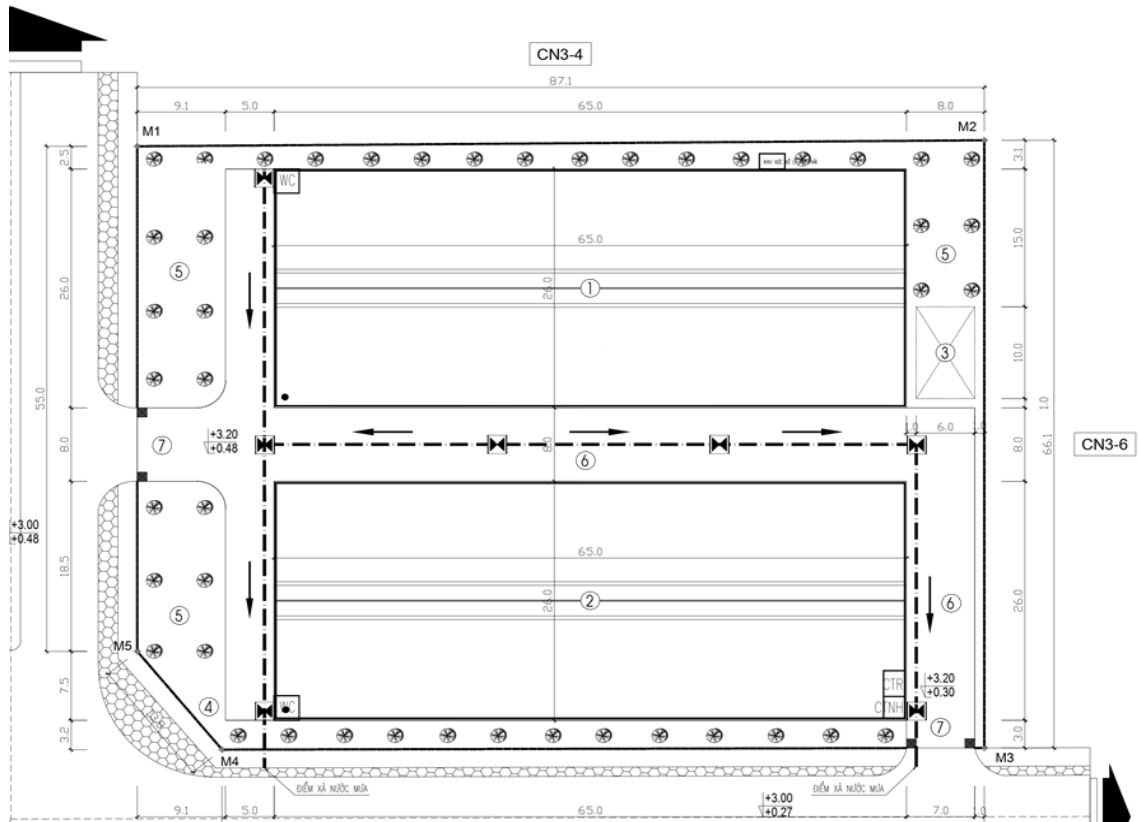
+ Nước mưa sân đường theo các rãnh thu vào hệ thống hố ga để lắng đọng chất rắn lơ lửng, sau đó tự chảy ra mương thoát nước của Khu vực.

- Rãnh thu nước mưa được xây bằng bê tông kích thước BxH (20cm x (20-40) cm). Cách 15m hệ thống lại bố trí 01 hố ga có kích thước (50x50x50)cm để lắng cặn. Nước mưa của dự án sẽ được chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của cụm công nghiệp Yên Dương tại 02 điểm xả trên đường N2.

- Kiểm tra và nạo vét hệ thống rãnh thu gom thường xuyên, đặc biệt vào trước mùa mưa để tăng khả năng tiêu thoát nước.



Hình 4.4. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn



Hình 4.5. Mặt bằng thu gom nước mưa chảy tràn

## 2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

### 2.2.1. Hoạt động của các phương tiện giao thông

- Che phủ bạt kín thùng xe chở nguyên liệu đến Dự án;
- Bê tông hóa sân đường nội bộ và kho bãi để hạn chế bụi phát sinh;
- Vệ sinh thường xuyên sân đường để hạn chế bụi cuốn theo gió gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh;
- Phun nước tưới ẩm sân đường nội bộ 2 lần/ngày và tăng cường vào những ngày hanh khô;



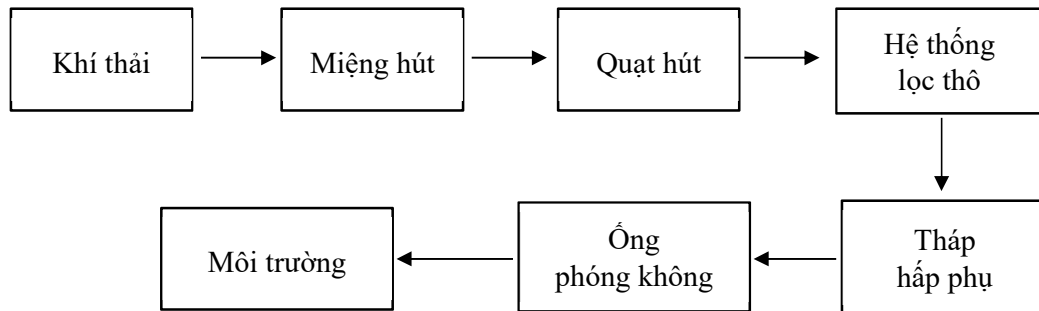
- Trồng và chăm sóc tốt cây xanh trong khuôn viên Cơ sở để tăng hiệu quả ngăn ngừa bụi, tiếng ồn và tạo cảnh quan môi trường.

#### 2.2.2. Hoạt động của xưởng sản xuất

- Thiết kế nhà xưởng có chiều cao, độ thông thoáng tự nhiên tốt.
- Lắp đặt quạt thông gió có bộ lọc không khí trong khu vực nhà xưởng.
- Vệ sinh nhà xưởng hàng ngày để hạn chế bụi phát tán vào không khí.
- Trồng cây xanh có tán lá rộng xung quanh khu vực sản xuất nhằm tạo cảnh quan môi trường cũng như tạo vùng đệm để hạn chế tiếng ồn và giảm thiểu lượng khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của xưởng.

- Đối với khu vực phòng phun sơn: Khu vực phun sơn được bố trí bên trong xưởng với diện tích 15m<sup>2</sup>. Chủ Dự án sẽ đầu tư 01 hệ thống xử lý khí thải phòng sơn.

❖ **Quy trình xử lý được thực hiện như sau:**



**Hình 4.6. Quy trình xử lý khí thải phòng sơn**

❖ **Thuyết minh quy trình xử lý:**

Khí thải trong phòng sơn sẽ thu gom vào hệ thống lọc thô thông qua hệ thống chụp hút và quạt hút công suất 4kW hoạt động đồng thời. Tại hệ thống lọc thô bao gồm vật liệu khô - rắn sẽ giữ lại hơi dung môi, sơn có tỉ trọng và kích thước lớn. Vật liệu lọc sẽ được thay thế định kỳ.

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý lọc thô sẽ được quạt hút khí đẩy qua tháp hấp phụ. Tại tháp hấp phụ khí thải được đi từ dưới lên trên qua 02 lớp vật liệu đệm được bố trí trong tháp. Dung dịch hấp thụ được bơm cấp vào trong tháp qua hệ thống các píp phun bố trí đều trong tháp.

Dung dịch hấp thụ sau khi đi qua píp phun sẽ tạo thành lớp sương mù trong toàn bộ không gian của tháp. Quá trình hấp thụ sẽ diễn ra tại lớp vật liệu đệm, hiệu quả hấp thụ được quyết định bởi lượng nước và chiều dày lớp vật liệu đệm trong tháp.

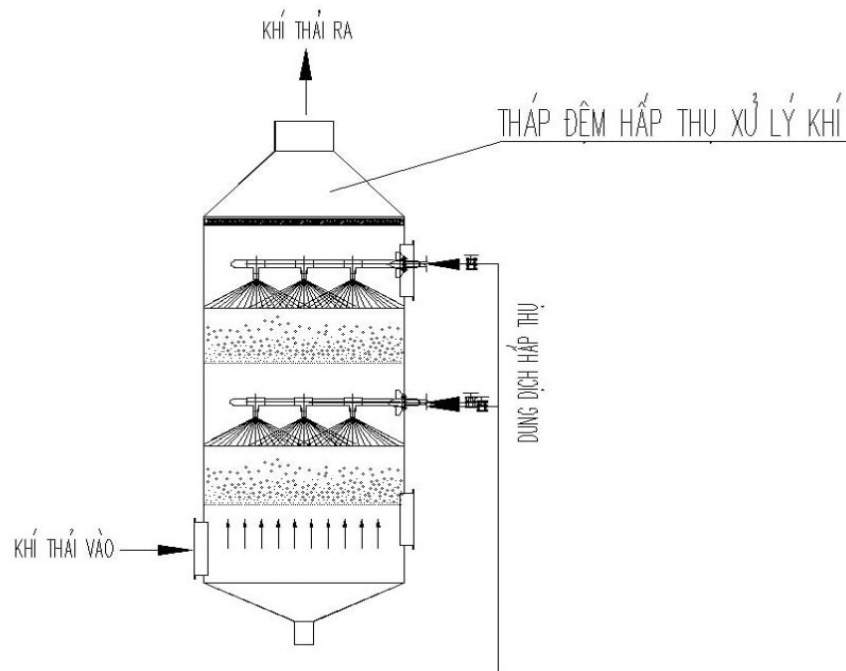
Dung dịch NaOH được bơm liên tục từ đỉnh tháp xuống các lớp vật liệu đệm tiếp xúc, khí thải được dẫn từ dưới lên quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp quá trình hấp thụ được diễn ra dễ dàng.

Sau khi hấp thụ, dung dịch NaOH sẽ được tuần hoàn và tái sử dụng lại. Trước khi đi ra khỏi tháp, dòng khí được tách mù nhờ lớp tách mù được bố trí trên đỉnh tháp.

Sau khi đi qua tháp hấp thụ dòng khí tiếp tục được đưa qua tháp hấp phụ. Tại đây, dòng khí được hấp phụ bằng than hoạt tính nhằm xử lý triệt để các thành phần ô nhiễm còn lại trong khí thải. Dung dịch NaOH, các loại khí độc hại sinh ra từ quá trình phun sơn sẽ được hấp thụ lại.

Sau khi ra khỏi thiết bị xử lý khí, dòng khí đưa vào ống phóng không cao 15m (tính từ sàn nhà) để tiếp tục phân tán vào khí quyển và đạt quy chuẩn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Định kỳ tùy thuộc vào số lượng, tần suất phun sơn các chi tiết, sản phẩm, Công ty sẽ tiến hành thay lớp than hoạt tính và đưa về kho chứa chất thải nguy hại để xử lý theo quy định.



Hình 4.7. Cấu tạo của tháp khí thải

### **2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn**

#### **2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

- Lắp dựng khu tập kết để lưu giữ CTR sinh hoạt và CTR công nghiệp thông thường có diện tích 6m<sup>2</sup> ở phía cuối xưởng sản xuất 2 của Dự án.

- Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy (loại dung tích từ 30 - 50 lít) tại các khu vực nhà xưởng, đường giao thông nội bộ...

- Thu gom và phân loại chất thải rắn thải thành 3 loại:

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng và tái chế: Lưu giữ vào thùng và bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

+ Chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác: Được phân loại và lưu giữ tại khu tập kết, có đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt trong cụm công nghiệp vận chuyển hàng ngày.

#### **2.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Lắp dựng khu tập kết để lưu giữ CTR sinh hoạt và CTR công nghiệp thông thường có diện tích 6m<sup>2</sup> ở phía cuối xưởng sản xuất 2 của Dự án.

- Chất thải rắn công nghiệp có khả năng tái chế như giấy, báo, thùng carton từ khu vực văn phòng, bao bì đựng nguyên liệu, sản phẩm, thép vụn trong quá trình tiện, cắt sẽ được cơ sở thu gom tái sử dụng và bán tận thu.

- Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khác: Lưu trữ tại khu tập kết chất thải rắn và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Dự báo khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường như sau:

**Bảng 4.1. Khối lượng chất thải rắn, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

STT	Nguồn phát sinh	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt (10 người)	kg/năm	4	
2	Bao gói nguyên liệu	kg/năm	170	
3	Thép vụn	kg/năm	850	
4	Giấy, thùng carton,... phát sinh từ khu vực văn phòng	kg/năm	100	
<b>Tổng</b>			<b>1.124</b>	

### 2.3.3. Chất thải nguy hại

- Thu gom và phân loại chất thải nguy hại vào 06 thùng đựng có nắp đậy và dán nhãn mã nguy hại của từng thùng như sau: Bóng đèn huỳnh quang thải (16 01 06); Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ (18 02 01); Dầu thải (17 07 03); Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải (19 01 10); Pin, ác quy thải bỏ (16 01 12); Dầu mẫu que hàn (07 04 01); vỏ bao bì chứa sơn, cặn sơn thải (08 01 01).

- Lưu giữ CTNH tại kho có diện tích 6m<sup>2</sup>, kết cấu như sau:

+ Lắp tường bao và cửa bằng tôn sóng xanh trên gờ chắn xây gạch VMX M75 cao 15cm, bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu, chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

+ Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy cầm tay, vật liệu hấp thụ như: cát khô... và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

+ Lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi xưởng sản xuất đi vào hoạt động như sau:

**Bảng 4.2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh**

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2	
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu,..	18 02 01	10	
3	Dầu thải	17 07 03	15	
4	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	19 01 10	400	
5	Pin, ác quy thải	16 01 12	100	
6	Đầu mẫu que hàn	07 04 01	80	
7	Vỏ bao bì chứa sơn, cặn sơn thải	08 01 01	280	
<b>Tổng</b>			<b>887</b>	

## **2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng để giảm độ ồn trong quá trình làm việc.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị phục vụ cho sản xuất.
- Xây dựng bộ máy vững chắc để hạn chế độ rung trong quá trình sản xuất.
- Không sản xuất trong khoảng thời gian từ 21h-6h để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung đến khu vực xung quanh.
- Kiểm tra, bảo dưỡng định kì để đảm bảo máy phát điện luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất.
- Trồng và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên Cơ sở để giảm tiếng ồn lan truyền ra khu vực xung quanh.

## **2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi Dự án đi vào hoạt động**

### *1/ Phương án phòng, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm*

Trong quá trình vận hành thử bể xử lý nước thải nếu xảy ra các sự cố gây ra chất lượng nước sau xử lý không đạt quy chuẩn, chủ Dự án sẽ dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới Phòng Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn giải quyết. Trong trường hợp sự cố gây ảnh hưởng đến môi trường, chủ Dự án cam kết chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định tại điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

### *2/ Phương án phòng, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình Dự án đi vào hoạt động*

#### ❖ Sự cố cháy nổ

- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chống sét và hệ thống PCCC đúng thiết kế đã được phê duyệt.
- Kiểm tra định kỳ mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (báo cháy, chữa cháy, chống sét, aptomat) để có biện pháp thay thế kịp thời.
- Thực hiện nghiêm túc các nội quy PCCC.
- Lập phương án PCCC và định kỳ phối hợp với cảnh sát PCCC diễn tập theo phương án PCCC đã được phê duyệt.

#### ❖ Sự cố tai nạn lao động

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị tại xưởng.
- Quy định và thực hiện tốt các nội quy an toàn lao động.
- Trang bị bảo hộ lao động như quần, áo, mũ, thiết bị phòng hộ đúng quy cách và phù hợp với vị trí làm việc.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị y tế tại xưởng.

❖ Sự cố về các công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn: Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng quạt hút, khả năng hấp thụ hơi mùi của than hoạt tính để đảm bảo hệ thống vận hành thường xuyên, liên tục. Định kỳ 3-6 tháng thay thế than hoạt tính để tăng hiệu quả hấp thụ hơi mùi của than hoạt tính.

- Bể xử lý nước thải tập trung:

+ Quá trình xây dựng các bể xử lý nước thải được tuân thủ theo đúng quy định của thiết kế.

+ Thường xuyên có nhân viên kiểm tra sức chứa của bể để kịp thời phát hiện chỗ bị rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời tránh rò rỉ nước thải chưa kịp xử lý ra ngoài môi trường.

+ Định kỳ kiểm tra hiệu quả của các ngăn vật liệu lọc của hệ thống xử lý nước thải để có chế độ vệ sinh, thay thế vật liệu lọc mới.

### 3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kinh phí thực hiện được trình bày tại bảng sau:

**Bảng 4.3. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng và kinh phí thực hiện**

STT	Tên hạng mục công trình	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian dự kiến hoàn thành
1	Tôn quây xung quanh khu đất khi triển khai xây dựng	700m <sup>2</sup>	40.000	Quý IV/2025
2	Bạt phủ vật liệu xây dựng	-	1.000	
3	Hệ thống thu gom nước mưa	01 hệ thống	20.000	
4	Hệ thống thu gom thoát nước thải	01 hệ thống	20.000	
5	Bể xử lý nước thải tập trung	01 hệ thống	40.000	
6	Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải sơn	01 hệ thống	50.000	
7	Kho chứa chất thải rắn thông thường	6m <sup>2</sup>	10.000	
8	Kho chứa chất thải nguy hại	6m <sup>2</sup>	15.000	
9	Thùng chứa chất thải sinh hoạt	06 thùng	1.800	

STT	Tên hạng mục công trình	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian dự kiến hoàn thành
10	Thùng chứa chất thải rắn thông thường	03 thùng	1.500	
11	Thùng chứa chất thải nguy hại	06 thùng	4.800	
12	Cây xanh	S=1.155m <sup>2</sup>	50.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>254.100</b>	

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

+ Dự án sẽ có tổ vệ sinh chuyên quyết dọn tại xưởng sản xuất, nhà điều hành, đường giao thông,... đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải về nơi tập kết.

+ Công ty bố trí 01 nhân viên đảm nhận việc giám sát công tác phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động trong giai đoạn Dự án hoạt động. Các công việc cụ thể như sau:

+) Giám sát việc thực hiện an toàn lao động của toàn bộ cán bộ công nhân viên.

+) Tổ chức thẩm định và nghiệm thu các điều kiện an toàn PCCC, các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, bảo hộ lao động.

+) Lập kế hoạch, thực hiện huấn luyện an toàn lao động của Dự án cho các cơ quan chức năng của Nhà nước.

+ Công ty bố trí 01 cán bộ kỹ thuật kiêm nhiệm công tác môi trường của Dự án để thực hiện nội dung công việc sau:

+) Kiểm tra thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thu gom, hố ga thoát nước mưa, nước thải.

+) Quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải.

+) Quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+) Lập dự trù số lượng nguyên liệu, hoá chất bổ sung vào các hệ thống xử lý khí thải, nước thải.

#### **4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo**

##### **4.1. Nhận xét về mức độ chi tiết của các đánh giá, dự báo**

Đánh giá tác động môi trường của dự án tới các đối tượng chịu tác động đều tuân thủ theo một trình tự:

- Xác định và định lượng (nếu có thể) nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của dự án.

- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.
- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn tác động, quy mô không gian, thời gian, tính nhạy cảm của đối tượng bị tác động.

Các đánh giá không chỉ xem xét tới các tác động trực tiếp từ các hoạt động của dự án mà còn được xem xét tới những tác động gián tiếp như là hậu quả của những biến đổi của các yếu tố môi trường đối với các tác động này.

Các đánh giá về các tác động của dự án là khá chi tiết và cụ thể. Chính vì vậy trên cơ sở các đánh giá, dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố một cách tương đối và khả thi.

#### ***4.2. Nhận xét về độ tin cậy của các đánh giá***

Báo cáo sử dụng các phương pháp đánh giá chi tiết và có độ chính xác cao, rõ ràng nên kết quả đánh giá là có thể tin cậy. Tuy nhiên vẫn còn một số đánh giá tác động mang tính định tính hoặc bán định lượng do chưa đủ thông tin, chưa có số liệu chi tiết để đánh giá. Nhưng nhìn chung báo cáo đã đánh giá tương đối đầy đủ các tác động và có độ tin cậy cần thiết về các tác động của dự án, đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi để hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

Đối với đánh giá các tác động môi trường không liên quan đến chất thải và các sự cố chủ yếu mang tính chất nhận xét dựa trên tình hình thực tế đã diễn ra và tình hình cụ thể tại địa phương triển khai dự án. Tuy nhiên khả năng xảy ra các tác động xấu này còn phụ thuộc vào cách thức quản lý và biện pháp thực hiện của Chủ dự án. Do đó, độ tin cậy của các đánh giá này ở mức độ trung bình.



## CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án được Công ty thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Yên Dương trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Yên Dương, trạm xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Yên Dương sẽ xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải ra môi trường, nên báo cáo không đề nghị cấp phép đối với nước thải.

### 2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ khu vực phòng phun sơn.

- Lưu lượng xả khí tối đa: 10.000m<sup>3</sup>/h.

- Dòng khí thải: Khí thải sau xử lý xả ra ngoài môi trường theo đường ống phóng không cao 15m (so với mặt đất).

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải sau khi xử lý đảm bảo các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với hệ số kp=1; kv=1. Cụ thể như sau:

**Bảng 5.1. Giới hạn các thông số trong khí thải**

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép C <sub>max</sub>
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	10.000
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả: Khí thải sau khi được xử lý xả thải ra môi trường ngoài qua 01 ống phóng không cao 15m (so với mặt đất).

Toạ độ vị trí xả: X(m): 2250648.60;                      Y(m): 555562.31

+ Phương thức xả: cưỡng bức (quạt hút) qua ống phóng không cao 15m ra ngoài môi trường.

### 3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung

#### 3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Từ các thiết bị máy móc sản xuất.

Toạ độ vị trí: X(m): 2250601.60 ; Y(m): 555533.90

#### 3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Giá trị giới hạn của của tiếng ồn, độ rung được trình bày tại bảng sau:

**Bảng 5.2. Giới hạn thông số tiếng ồn và độ rung**

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị trung bình	Giá trị cực đại	Quy chuẩn so sánh
1	Độ ồn				QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
	- Tại vị trí sản xuất (vị trí làm việc trực tiếp)	dBA	85	115	
2	Độ rung				QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.
	+ Từ 6h đến 21h	dB	70	-	
	+ Từ 21h đến 6h	dB	60	-	

**CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH  
XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC  
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải**

***1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm***

❖ *Công trình xử lý khí thải*

Công ty dự kiến vận hành thử nghiệm tháp hấp thụ khí thải như sau:

- Thời gian bắt đầu: 01/07/2025.
- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Ngày 30/09/2025.
- Công suất vận hành thử nghiệm dự kiến: sản phẩm sản xuất đạt 50% công suất sản xuất của Dự án.

***1.2. Kết quả quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý các công trình, thiết bị xử lý chất thải***

❖ *Thời gian dự kiến lấy mẫu*

Căn cứ khoản 5, điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm cao, vì vậy Chủ cơ sở thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm như sau:

❖ *Công trình xử lý khí thải*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số k<sub>p</sub> = 1, k<sub>v</sub> = 1.
- Thời gian dự kiến lấy mẫu: Từ ngày 10 - 12/09/2025.

❖ *Tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp thực hiện kế hoạch*

Công ty sẽ lựa chọn đơn vị được cấp Giấy phép theo quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường.

**2. Chương trình quan trắc chất thải**

***2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ***

Căn cứ khoản 2, điều 97 và phụ lục XXVIII, XXIX Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ đối với nước thải, khí thải.

## ***2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục***

Căn cứ khoản 2, điều 97 và phụ lục XXVIII, XXIX Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

## CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính đề nghị UBND huyện Ý Yên xem xét, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án, tạo điều kiện thuận lợi để Dự án sớm triển khai xây dựng.

Công ty cổ phần thép chế tạo H2Q xin cam kết:

- Những nội dung được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý các chất thải phát sinh được liệt kê tại chương III.

- Quá trình vận hành công trình XLNT theo đúng thiết kế, vận hành thường xuyên, không lắp đặt đường ống xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào.

- Có biện pháp phù hợp nếu xảy ra sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định.

- Khắc phục sự cố kịp thời, có trách nhiệm báo cáo đến các cơ quan chức năng ở địa phương để giải quyết nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu tới nguồn tiếp nhận nước thải; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc xả nước thải của công trình XLNT gây ra.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cam kết thực hiện các văn bản pháp luật và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường bao gồm:

+ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022.

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

**PHỤ LỤC**